

Số: 29/2008/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28/12/2000;

Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/03/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;

Căn cứ Chỉ thị số 13/2008/CT-TTg ngày 11/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong tình hình mới;

Căn cứ Thông tư số 12/2002/TT-BCA (A11) ngày 13/9/2002 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 181/2004/QĐ-TTg ngày 15/10/2004 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, cơ quan, tổ chức liên quan thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1279/2004/QĐ-BCA (A11) ngày 10/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, cơ quan, tổ chức liên quan thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 2447/TTr-CAT (PA25) ngày 24/11/2008 về ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lê Thị Quang

congbao.tuyenquang.gov.vn

QUY CHẾ
BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC TỈNH TUYÊN QUANG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của Ủy
ban nhân dân tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về công tác bảo vệ bí mật nhà nước của các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang và mọi công dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và mọi công dân trên địa bàn tỉnh thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước thuộc cơ quan, địa phương mình quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và Quy chế này.

Điều 2. Bí mật nhà nước tỉnh Tuyên Quang gồm:

1. Những tin thuộc danh mục bí mật nhà nước với các độ mật: Tuyệt mật, Tối mật và Mật đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định có hiệu lực thi hành.

2. Những thông tin, tư liệu, số liệu, tài liệu, vật (sau đây gọi tắt là tài liệu, vật) mang tin đã được ấn định và đóng dấu các độ mật ở nơi khác gửi đến tỉnh Tuyên Quang.

3. Những tin khác nếu bị tiết lộ sẽ gây nguy hại cho Nhà nước.

Điều 3. Căn cứ vào danh mục bí mật nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có văn bản quy định cụ thể độ mật (Tuyệt mật, Tối mật, Mật) của từng loại tài liệu, vật mang bí mật nhà nước thuộc cơ quan, tổ chức, địa phương mình quản lý.

Chương II
SOẠN THẢO, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, TIÊU HUỶ TÀI LIỆU, VẬT MANG
BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

Điều 4. Việc soạn thảo, in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước thuộc danh mục các độ mật phải tuân thủ các quy định sau:

1. Người được giao nhiệm vụ soạn thảo, in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Tổ chức soạn thảo, in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước phải được thực hiện ở địa điểm an toàn; phải ấn định độ mật khi soạn thảo tài liệu.

3. Đánh máy, in, sao, chụp tài liệu, vật có các độ mật phải thực hiện theo đúng quy định tại Điều 8 Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ.

Điều 5. Việc lưu hành, phổ biến, trao đổi, tìm hiểu, sử dụng các thông tin, tài liệu, số liệu, sự việc, sự kiện... thuộc các độ mật phải thực hiện đúng nguyên tắc, đúng quy định, đúng tiêu chuẩn.

Điều 6. Việc vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật thuộc danh mục các độ mật; việc thống kê, thu hồi, bảo quản tài liệu, vật mang bí mật nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ.

Điều 7. Thanh lý, tiêu hủy, giải các độ mật tài liệu, vật thuộc danh mục bí mật nhà nước phải căn cứ vào các điều kiện sau:

- Theo đề nghị của cơ quan ban hành tài liệu gốc.
- Hết giá trị sử dụng (giá trị độ mật), hết thời hạn theo quy định.
- Phải có quyết định của người có thẩm quyền.
- Phải có Hội đồng và biên bản thanh lý, tiêu hủy và tiêu hủy tại bộ phận bảo mật.

Trong quá trình tiêu hủy tài liệu, vật mang bí mật nhà nước phải bảo đảm không để lộ, lọt bí mật nhà nước. Tiêu hủy vật thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải làm thay đổi hình dạng và tính năng, tác dụng. Tiêu hủy tài liệu phải đốt, xén, nghiền nhỏ đảm bảo không thể phục hồi được.

Điều 8. Bảo vệ bí mật nhà nước trong thông tin liên lạc:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi truyền đi những nội dung bí mật nhà nước bằng phương tiện thông tin liên lạc phải thực hiện theo đúng quy định tại Điều 16 Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ.

Điều 9. Bảo vệ bí mật nhà nước trong quan hệ, tiếp xúc, làm việc với các tổ chức, cá nhân nước ngoài:

1. Cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam khi quan hệ tiếp xúc với tổ chức, cá nhân nước ngoài không được tiết lộ bí mật nhà nước.

2. Việc cung cấp những thông tin thuộc bí mật nhà nước cho tổ chức, cá nhân nước ngoài; mang tài liệu, vật thuộc phạm vi bí mật nhà nước ra nước ngoài phải thực hiện theo đúng quy định tại Điều 19, 20 Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ.

Điều 10. Bảo vệ khu vực, địa điểm cấm, nơi cất giữ, nơi tiến hành các hoạt động có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải được cấm biển cấm theo quy định; phải có nội quy bảo vệ; cán bộ đến liên hệ công tác phải có giấy giới thiệu cần liên hệ, trao đổi những nội dung cần thu thập và được bố trí làm việc ở phòng riêng; tùy theo tính chất và yêu cầu bảo vệ của từng nơi mà bố trí lực lượng bảo vệ để tuần tra canh gác, kiểm soát chặt chẽ, có thể bố trí phương tiện kỹ thuật để hỗ trợ công tác bảo vệ.

Chương III

THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

Điều 11. Thẩm quyền, trách nhiệm của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã:

1. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28/12/2000, các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước và Quy chế này.

2. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định.

Điều 12. Cán bộ làm công tác liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước (người làm công tác cơ yếu, giao liên, người được giao nhiệm vụ bảo quản, lưu giữ bí mật nhà nước) phải có phẩm chất tốt, có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức cảnh giác giữ gìn bí mật nhà nước; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao và phải cam kết bảo vệ bí mật nhà nước bằng văn bản; văn bản cam kết nộp cho bộ phận bảo mật của cơ quan, tổ chức lưu giữ.

Người được giao nhiệm vụ tiếp xúc với bí mật nhà nước dưới mọi hình thức phải thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 13. Rà soát, thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ bí mật nhà nước

1. Vào quý I hàng năm, các sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, UBND các huyện, thị xã tiến hành rà soát danh mục bí mật nhà nước tại cơ quan, đơn vị mình gửi Công an tỉnh tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay đổi độ mật, giải mật danh mục bí mật nhà nước thuộc các độ mật.

2. Công an tỉnh giúp Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Khen thưởng

Cơ quan, tổ chức và công dân có một trong những thành tích sau đây sẽ được khen thưởng theo quy định của pháp luật:

1.1- Phát hiện, tố giác kịp thời hành vi thu thập, làm lộ, làm mất, chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy trái phép bí mật nhà nước.

1.2- Khắc phục mọi khó khăn, nguy hiểm bảo vệ an toàn bí mật nhà nước.

1.3- Tìm được tài liệu, vật thuộc bí mật nhà nước bị mất; ngăn chặn hoặc hạn chế được hậu quả do việc làm lộ, làm mất, chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy trái phép bí mật nhà nước do người khác gây ra.

1.4- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước theo chức trách được giao.

2. Xử lý vi phạm

Mọi vi phạm chế độ bảo vệ bí mật nhà nước phải được điều tra làm rõ. Người có hành vi vi phạm, tùy theo tính chất, hậu quả tác hại gây ra sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 15. Điều khoản thi hành

Giám đốc Công an tỉnh có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện Quy chế này; trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, kịp thời báo cáo bằng văn bản gửi Công an tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

congbao.tuyenquang.gov.vn